



SAILOR® 150 FLEETBROADBAND



Với khả năng cung cấp dịch vụ trên nền hệ thống vệ tinh Inmarsat I4 băng thông rộng toàn cầu, Sailor 150 FleetBroadband là giải pháp cạnh tranh, sử dụng đơn giản với chất lượng dịch vụ cao trên các tàu biển chuyên nghiệp, cũng như các tàu hàng nhỏ, tàu đánh bắt hải sản hay tàu du lịch về giá thành lẫn hiệu suất sử dụng.

Điểm nổi bật của thiết bị SAILOR 150 FleetBroadband là ăng ten nhỏ, nhẹ cho phép người sử dụng có thể cài đặt và khai thác một cách đơn giản. Thiết bị cũng thích hợp với các tàu thuyền nhỏ, yêu cầu độ tin cậy thông tin cao, cung cấp đường truyền internet và thoại toàn cầu trên nền băng thông rộng và giải pháp IP thực sự hiệu quả ngay từ lần đầu sử dụng.

Đáp ứng các nhu cầu công việc và giải trí

SAILOR 150 FleetBroadband là giải pháp có tính cạnh tranh, được thiết kế cung cấp dịch vụ toàn cầu, với chất lượng truyền dữ liệu và thoại cao cho mục đích thương mại, vận hành hoặc các ứng dụng giải trí. Cho đến nay vẫn chưa có thiết bị thông tin liên lạc nào được lắp đặt trên các tàu nhỏ có các tính năng như thực hiện báo cáo theo yêu cầu, phân tích lỗi hoặc đơn giản là truy cập website, thêm các tiện ích như thiết bị SAILOR 150 FleetBroadband

- Thiết bị có giá cạnh tranh
- Có thể thực hiện cuộc gọi thoại và truyền dữ liệu đồng thời
- Kết nối IP cho email và truy cập Internet/Intranet
- Giao diện LAN
- Điện thoại giao diện IP

Được thiết kế và sản xuất với chất lượng cao tương tự các dòng sản phẩm thiết bị SAILOR FleetBroadband có mặt trên thị trường hiện nay. Với SAILOR 150 FleetBroadband, các tàu hàng cỡ nhỏ có thể trải nghiệm với hệ thống thông tin có chất lượng, độ tin cậy cao và dễ dàng sử dụng như các thiết bị khác mà dòng sản phẩm SAILOR mang lại.

Với khả năng hoạt động toàn cầu, SAILOR 150 FleetBroadband được kết nối liên tục với các trung tâm Hệ thống mạng Onboard Service Centres (OSC) của hãng Thrane & Thrane. Với các trung tâm OSC trên toàn thế giới, khách hàng có thể tin tưởng rằng sản phẩm SAILOR mang lại chất lượng dịch vụ tốt nhất cho dù ở bất kỳ đâu.

Điện thoại IP Thrane & Thrane

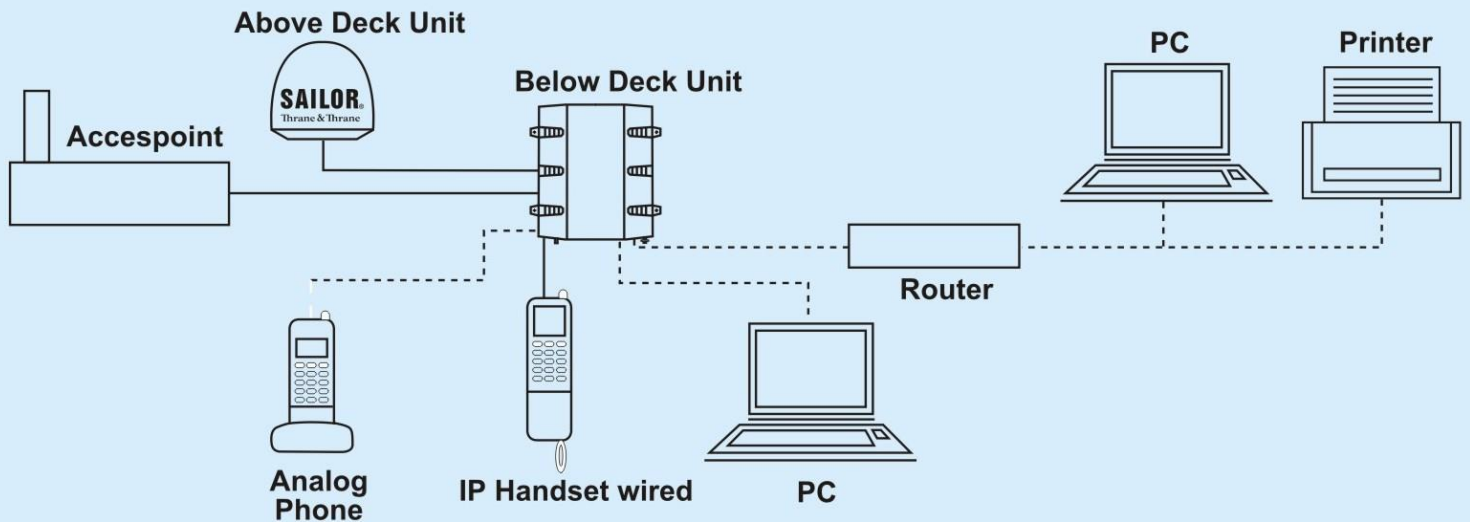
Điện thoại IP hiệu Thrane & Thrane cung cấp giao diện người sử dụng với màn hình 2.2 TFT màu sắc sắc nét, bao gồm cả chức năng khử nhiễu và tiếng ồn, mang lại chất lượng âm thanh tốt.

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Thượng Hiền, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 031 3842070 * Fax: 031 3842073

Email: marketing@vishipel.com.vn * Website: www.vishipel.com.vn



Thông số kỹ thuật

Đạt chứng nhận thiết bị Fleet băng thông rộng.
Theo tiêu chuẩn RTTE, tiêu chuẩn Châu Âu

Dải tần

Dải tần thu: 1525.0 – 1559.0 MHz
Dải tần phát: 1626.5 – 1660.5 MHz
Độ rộng kênh: 10.5 – 189 kHz, Rx; 21 – 189 kHz, Tx

Thông số cấp ăng ten

Độ tiêu hao tối đa/tối thiểu: 20dB ở 1.62 GHz và 1.0 Ω DC
3dB ở 36 – 4dB ở 54 MHz

Các dịch vụ toàn cầu

Thoại: 4kbps AMBE=2
Standard IP: 150/150kbps
SMS: Hỗ trợ tối đa 160 ký tự

Kết nối ăng ten

ADU: TNC, female
BDU: TNC, female

Giao diện BDU

Nút bật/tắt nguồn
Công tắc nguồn 1 chiều
2 cổng LAN Ethernet 10/100 Mbit
Khe cắm thẻ SIM
Nút ấn reset về thông số ban đầu của nhà sản xuất
1 cổng RJ11 kết nối với máy điện thoại
1 cổng I/O 5 chân
Đèn LED chỉ báo nguồn

Bộ nguồn và công suất tiêu thụ

Nguồn 1 chiều đầu vào: 10 V đến 32 V DC
Công suất tối đa: 120 W, 10 V – 30 V

Kích thước và trọng lượng

ADU 291.9mm x Ø275.6 mm, 3.9 Kg
BDU 278 mm/231 mm, 2.0 Kg

Điều kiện môi trường

Nhiệt độ lý tưởng: -25° C đến 55° C
Nhiệt độ bảo quản: -40° C đến 85° C
Khả năng chịu nhiệt: -40° C đến 80° C
Hệ thống cảm biến nhiệt tự động tắt máy và khởi động lại nhiều lần khi nhiệt độ vượt ngưỡng cho phép
BDU hoạt động dưới độ ẩm 90% không có ngưng tụ nước ở 40° C
ADU bảo quản theo tiêu chuẩn IPX6
ADU hoạt động trong độ ẩm theo tiêu chuẩn EN60 945
BDU bảo quản theo chuẩn IP31
Khả năng chịu đựng khi vùi dưới băng tối đa 25 mm

Độ chấn động (ADU)

Độ chấn động khi hoạt động:
Phổ tự chọn 1.05g rms x 3 exes
5 đến 20 Hz: 0.02g/Hz
20 đến 150 Hz: -3dB/octave
Độ chấn động khi không hoạt động:
Phổ tự chọn 1.7g rms 2h x 3 exes (6h total)
5 đến 20 Hz: 0.02g/Hz
20 đến 150 Hz: -3dB/octave

Độ sốc cơ học: 20g/11 halvesine

Chức năng điện thoại:
Danh bạ Hạn chế quay số
Hiện thị tin nhắn Danh sách cuộc gọi

Cài đặt và chức năng định tuyến

Web server SIP server
Tích hợp chức năng Nat router PPPoE

Chuyển động của tàu

Quay: +/-30 deg.per.4s, max 0.7 g tan
Quét: +/-15 deg.per.3s, max 0.6 g tan
Trệch: +/-10 deg.per.5s, max 0.3 g tan
Tốc độ điều chỉnh: +/-36°/s; ACC 12°/s² Lao: +/-0.5g
Tốc độ di chuyển: +/-22m/s (42 knots) Lắc: +/-0.5g
Tốc độ gió: 100 knots Kéo: +/-0.7g